

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
CÁC LĨNH VỰC KHÁC**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
	<b>BẢO HIỂM</b>	
1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	2
	<b>DÂN SỐ SỨC KHỎE SINH SẢN</b>	
2	Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ	16
3	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	18
	<b>NÔNG NGHIỆP</b>	
4	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	21
	<b>PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI</b>	
5	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	22
6	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	43
7	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	46
8	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	48
9	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	53
	<b>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC</b>	
10	Thông báo thành lập tổ hợp tác	57
11	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	59
12	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	61

	<b>TRỒNG TRỌT</b>	
13	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	63
	<b>KIỂM LÂM, LÂM NGHIỆP</b>	
14	Thủ tục Phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại.	65
	<b>QUẢN LÝ CÔNG SẢN</b>	
15	Quyết định điều chuyển tài sản công	69
16	Quyết định thanh lý tài sản công	71
17	Quyết định tiêu hủy tài sản công	73

## LĨNH VỰC: BẢO HIỂM

### 1. Thủ tục Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Bảo hiểm
<b>Cơ quan thực hiện</b>	- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp.
<b>Cách thức thực hiện</b>	- Bộ phận một cửa các xã, phường, thị trấn.
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>a) Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp lập hồ sơ đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp.</p> <p>b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, hồ sơ đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi và báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm định, tổng hợp danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp. Quyết định này được gửi đến Sở Tài</p>

	<p>chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có liên quan.</p> <p>đ) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt đối tượng được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên hệ thống thông tin, truyền thông của xã và sao gửi cho tổ chức, cá</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	- 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.
<b>Phí</b>	- Không.
<b>Lệ Phí</b>	- Không.
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đối tượng được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.</li> <li>- Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.</li> <li>- Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp đối với trường hợp đối tượng được hỗ trợ là tổ chức sản xuất nông nghiệp.</li> </ul>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	- Không.
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/10/2010</li> <li>- Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.</li> </ul>
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	<b>File mẫu:</b> Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản theo mẫu quy

	<p>định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP <b>Tải về</b></p> <p>Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đối tượng được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP <b>Tải về</b></p>
<p><b>Kết quả thực hiện</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp;</li> <li>- Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ;</li> <li>- UBND cấp xã niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm.</li> </ul>

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XEM XÉT, PHÊ DUYỆT ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 20... của Thủ tướng Chính phủ về....;

**Trường hợp cá nhân sản xuất nông nghiệp:**

- Tên cá nhân sản xuất nông nghiệp: [Tên đầy đủ]

- Ngày, tháng, năm sinh:

- CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: [...] do [Tên cơ quan cấp] ngày...tháng...năm...tại [Nơi cấp]

- Địa chỉ thường trú:

- Thuộc diện:  Hộ nghèo  Hộ cận nghèo  Hộ khác

**Trường hợp tổ chức sản xuất nông nghiệp:**

- Tên tổ chức sản xuất nông nghiệp: [Tên đầy đủ]

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: [...] do [Tên cơ quan cấp] ngày ...tháng...năm...

- Địa chỉ:

- Là tổ chức sản xuất nông nghiệp thuộc diện đối tượng tổ chức được hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày tháng năm 20... của Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ... rà soát, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chúng tôi là đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm theo Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, thủy sản.... (Liệt kê đầy đủ)

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...;

..., ngày.... tháng.... năm...  
**CHỦ HỘ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ  
CHỨC**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

## BẢNG KÊ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TẠI ĐỊA BÀN TỈNH....

### TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM...

Báo cáo tháng... (từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... năm 20...)

STT	HĐBH			Đối tượng hỗ trợ			Số tiền bảo hiểm (đồng)			Số phí bảo hiểm (đồng)			
	Tổ chức, cá nhân mua bảo hiểm	Số HĐBH	Ngày HĐBH	Nghèo, cận nghèo	Không thuộc nghèo, cận nghèo	Tổ chức	Cây trồng	Vật nuôi	Thủy sản	Tổng số	NSNN	hỗ trợ	Tổ chức, cá nhân nộp
1													
2													
...													

Chúng tôi cam kết những thông tin trên là đúng sự thật./.

....., ngày.... tháng.... năm....

**ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH/TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký tên và đóng dấu)



**2. Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điem trông giữ xe phục vụ đám cưới**

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điem trông giữ xe phục vụ đám cưới</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Bảo hiểm
<b>Cơ quan thực hiện</b>	UBND cấp Xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời phần hè phố chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> <li>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ viết phiếu hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp đủ điều kiện, đúng quy định thì ghi phiếu hẹn trả kết quả.</li> <li>- Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> </ul>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Ngay trong ngày làm việc
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Chưa có quy định về mức phí và lệ phí
<b>Thành phần hồ sơ</b>	- Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố để tổ chức đám cưới (theo mẫu Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của UBND tỉnh Hải Dương). - Bản

	vẽ vị trí mặt bằng đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố (theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của UBND tỉnh Hải Dương).
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	Vị trí sử dụng tạm thời phải nằm trong danh mục các khu vực. tuyến đường có vị trí, địa điểm đủ điều kiện được sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố đã được UBND cấp huyện phê duyệt.
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định sử dụng tạm thời phần lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	<b>File mẫu:</b> Bản vẽ vị trí mặt bằng đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố (theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của UBND tỉnh Hải Dương) <b>Tải về</b> Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố để tổ chức đám cưới <b>Tải về</b>
<b>Kết quả thực hiện</b>	Giấy phép

**PHỤ LỤC 1**

**Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố để  
tổ chức đám cưới**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5 /2015/QĐ-UBND ngày 08 /4 /2015 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN SỬ DỤNG TẠM THỜI MỘT PHẦN  
LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ ĐỂ TỔ CHỨC Đám CƯỚI**

Kính gửi: (1) .....

Tôi tên là:

.....  
.....

Địa chỉ thường

trú:.....

.....

Điện thoại số:

.....  
.....

**Đề nghị xin sử dụng một phần lòng đường, hè phố như sau:**

- Địa chỉ:

(2).....  
.....

- Vía hè hiện hữu: Chiều dài (phần lè).....m x Chiều rộng .....m =  
.....m<sup>2</sup>

- Dự kiến kích thước xin sử dụng:

+ Phần vỉa hè : Chiều dài (phần lè) ..... m x chiều rộng ..... m =  
.....m<sup>2</sup>

+ Phần lòng đường : Chiều dài ..... m x chiều rộng ..... m = .....m<sup>2</sup>

- Thời gian sử dụng: Từ ngày.....tháng.....năm.....đến.....ngày  
.....tháng.....năm ..... (không quá 02 ngày)

Tôi cam kết trong quá trình sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố:

- Đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường;
- Cam kết bồi thường, hoàn trả hư hỏng công trình do việc sử dụng tạm thời công trình gây ra;
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng.

Kèm theo Đơn gồm:

- .....
- .....
- .....

Ngày ..... tháng.....năm .....

(Ký, ghi họ tên)

Họ tên (hoặc Tổ chức có đóng dấu)

Ghi chú :

(1) : UBND cấp huyện hoặc cấp xã ;

(2) : Số nhà, đường (phố), phường, thị trấn (nếu chưa có số nhà thì ghi trước, sau hoặc bên trái (phải) nhà số....)

## PHỤ LỤC 4

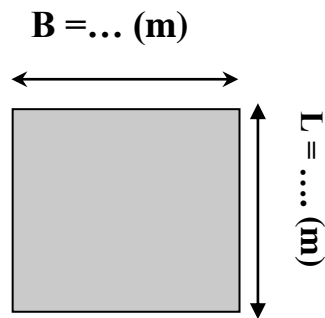
### Mẫu bản vẽ xin phép sử dụng tạm thời một phần hè phố (tương tự đối với phần lòng đường)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5 /2015/QĐ-UBND ngày 08 /4 /2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

(Địa chỉ công trình:

.....  
.....)

#### ĐƯỜNG A



<i>Nhà số 125</i>	<i>Nhà số 123</i>	<i>Nhà số 121</i>	<i>Nhà số 119</i>
-------------------	-------------------	-------------------	-------------------

#### GHI CHÚ :

Vị trí xin phép sử dụng :

$$\text{Diện tích : } L(m) \times B(m) = S(m^2)$$

**3. Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới**

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Bảo hiểm
<b>Cơ quan thực hiện</b>	UBND cấp Xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn sử dụng tạm thời phần hè phố chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> <li>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ viết phiếu hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp đủ điều kiện, đúng quy định thì ghi phiếu hẹn trả kết quả.</li> <li>- Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã.</li> </ul>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Ngay trong ngày làm việc
<b>Phí</b>	không
<b>Lệ Phí</b>	Chưa có quy định về mức phí và lệ phí
<b>Thành phần hồ</b>	+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố (theo mẫu Phụ lục 3 kèm theo Quy định này). + Giấy phép cũ (bản

<b>sơ</b>	chính).
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định sử dụng tạm thời phần lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	Giấy phép gia hạn

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Dân số - Sức khỏe sinh sản
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Trạm y tế tuyến xã.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp trực tiếp tại Trạm y tế tuyến xã nơi trẻ sinh ra.
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng của trẻ phải điền vào Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này và nộp cho Trạm y tế tuyến xã nơi trẻ sinh ra.</p> <p>Bước 2: Trạm Y tế cấp xã có trách nhiệm ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu Giấy chứng sinh ban hành tại Phụ lục 01 của Thông tư 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012. Cha, mẹ hoặc người thân thích của trẻ có trách nhiệm đọc, kiểm tra lại thông tin trước khi ký. Giấy chứng sinh được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho bố, mẹ hoặc người thân thích của trẻ để làm thủ tục khai sinh và 01 bản lưu tại Trạm Y tế. Trong trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn xác minh không được quá 05 ngày làm việc.</p> <p>Bước 3: Trả Giấy chứng sinh cho gia đình trẻ tại Trạm y tế tuyến xã.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng sinh (chưa bao gồm thời gian xác minh-nếu có).</p> <p>Trong trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn xác minh không được quá 05 ngày làm việc.</p>
<b>Phí</b>	không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành</b>	- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục 02



<b>phần hồ sơ</b>	ban hành kèm theo Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27/9/2019.
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý</b>	1/ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014; 2/ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; 3/ Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh; 4/ Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi một số điều của Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh.
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	Giấy chứng sinh.

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số</b>
<b>Lĩnh vực</b>	<b>Dân số - Sức khỏe sinh sản</b>
<b>Cơ quan thực hiện</b>	<b>- Ủy ban nhân dân cấp xã</b>
<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>- Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua đường bưu điện</b>
<b>Đối tượng thực hiện</b>	<b>Tổ chức</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p><b>Bước 1: Đối tượng hưởng chính sách hoặc người thân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ (sau đây gọi là người đứng tên Tờ khai) lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ủy ban nhân dân cấp xã.</b></p> <p><b>Bước 2: Khi tiếp nhận hồ sơ, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người đứng tên Tờ khai bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ ngay tại thời điểm đó thì người tiếp nhận phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện gửi người đứng tên Tờ khai. Khi nhận được yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, người đứng tên Tờ khai phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và gửi ngay về cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</b></p> <p><b>Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ. Trường hợp giấy tờ là bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đứng tên Tờ khai nộp bản sao có chứng thực. Trường hợp giấy tờ là bản sao có chứng thực thì</b></p>

	<p>không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu.</p> <p><b>Bước 3:</b> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ được ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh các tiêu chí áp dụng cho đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ; ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí; thông báo và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho đối tượng hưởng chính sách.</p> <p>Trường hợp hồ sơ không bảo đảm điều kiện hỗ trợ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ được ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho người đứng tên Tờ khai</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	- 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ
<b>Phí</b>	<b>Không</b>
<b>Lệ Phí</b>	<b>Không</b>
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai của đối tượng hoặc thân nhân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ.</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP:</li> <li>- Giấy đăng ký kết hôn đối với đối tượng hưởng chính sách là người dân tộc Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số;</li> <li>- Kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương đối với trường hợp sinh con thứ ba nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền</li> </ul>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	<b>01 bộ</b>

<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	<b>Không</b>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bình đẳng giới năm 2006.</li> <li>- Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.</li> </ul>
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	<p><b>File mẫu:</b></p> <p>Mẫu số 1a: Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số (đối với đối tượng có sổ định danh cá nhân <a href="#">Tải về</a>)</p> <p>Mẫu số 1b: Tờ khai đề nghị hỗ trợ kinh phí sinh con đúng chính sách dân số (đối với đối tượng chưa có sổ định danh cá nhân). <a href="#">Tải về</a></p>
<b>Kết quả thực hiện</b>	- Quyết định hỗ trợ kinh phí

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Nông nghiệp
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp Xã.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ về cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông Xã trước ngày 30/9 hàng năm; Bước 2: Cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông ở Xã tổ chức thẩm định nội dung, dự toán kinh phí và trình Ủy ban nhân dân cấp Huyện trước ngày 15/11 hàng năm; Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp Xã phê duyệt kế hoạch khuyến nông trước ngày 30/11 hàng năm và công bố theo quy định.
<b>Thời hạn giải quyết</b>	60 ngày.
<b>Phí</b>	K
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	+ Đề xuất kế hoạch khuyến nông; + Dự toán kinh phí
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý</b>	Điều 25, Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018.
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	Quyết định

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Phòng, chống thiên tai
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã.</p> <p>Bước 2: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện.</p> <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra với sự tham gia, phối hợp của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã để kiểm tra, xác nhận thiệt hại; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.</p> <p>Bước 3: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.</p> <p>Bước 4: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh</p>

	<p>thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai theo quy định chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.</p> <p>Bước 5: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai để phục vụ công tác chỉ đạo.</p> <p>V</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Bảng thống kê thiệt hại do thiên tai có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.</li> <li>- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)</li> </ul>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	- Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn

	<p>sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).</li> <li>- Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.</li> <li>- Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn địa phương xác nhận.</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	<b>File mẫu:</b> Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ <b>Tải về</b>
<b>Kết quả thực hiện</b>	Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường..... (đối với thiên tai);  
- Ủy ban nhân dân xã, phường ..... (đối với dịch bệnh).

Tôi tên là: .....

Địa chỉ: .....

Kê khai diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh như sau:

Đợt thiên tai/dịch bệnh: .....

1. Đối tượng: .....

Thời điểm gieo, trồng: .....

Diện tích thiệt hại: .....ha.

Vị trí đất gieo, trồng: .....

Thiệt hại từ 30 - 70% là: .....ha

Thiệt hại trên 70% là: .....ha

2. Đối tượng: .....

Thời điểm gieo, trồng: .....

Diện tích thiệt hại: .....ha.

Vị trí đất gieo, trồng: .....

Thiệt hại từ 30 - 70% là: .....ha

Thiệt hại trên 70% là: .....ha

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của  
.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
**Người làm đơn**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại sản xuất lâm nghiệp do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và  
Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên  
tai);  
- Ủy ban nhân dân xã, phường ..... (đối với dịch  
bệnh).

Tôi tên là: .....

Địa chỉ: .....

Kê khai diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) trong sản xuất lâm nghiệp  
như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): .....

1. Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn  
giống, rừng giống bị thiệt hại:

a) Đối với diện tích cây rừng:

Đối tượng trồng: ..... Tuổi rừng: .....

Thời điểm trồng: .....

Diện tích thiệt hại: .....ha.

Vị trí trồng rừng: .....

Thiệt hại từ 30 - 70% là: .....ha

Thiệt hại trên 70% là: .....ha

b) Đối với các loài cây lâm sản ngoài gỗ:

Vị trí: .....

Thời điểm trồng: .....

Loài cây: .....

Số lượng thiệt hại: .....ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: .....ha

Thiệt hại trên 70% là: .....ha

c) Đối với vườn giống:

Thời điểm xây dựng: .....

Diện tích thiệt hại: .....ha

Vị trí: .....

Thiệt hại từ 30 - 70% là: .....ha

Thiệt hại trên 70% là: .....ha

d) Đối với rừng giống:

Thời điểm xây dựng: .....

Loại rừng giống: .....

Diện tích thiệt hại: .....ha

Vị trí: .....

Thiệt hại từ 30 - 70% là: .....ha

Thiệt hại trên 70% là: .....ha

2. Đối với cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Vị trí: .....

Thời điểm trồng: .....

Loài cây: .....

Diện tích thiệt hại: .....ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: .....ha

Thiệt hại trên 70% là: .....ha

3. Đối với trồng cây phân tán:

Vị trí: .....

Loài cây: .....

Số lượng thiệt hại: .....cây

Hồ sơ lưu gồm có: .....

.....

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường)... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)...) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của .....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn, toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
**Người làm đơn**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại nuôi trồng thủy sản do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);  
- Ủy ban nhân dân xã, phường ..... (đối với dịch bệnh).

Tôi tên là: .....

Địa chỉ: .....

Kê khai diện tích nuôi trồng thủy sản và diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): .....

Loài thủy sản nuôi: .....

Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản: .....ha.

Vị trí khu vực nuôi: .....

Thời điểm thả giống: .....

Số lượng giống thả nuôi: ..... con, nguồn gốc: .....

Hồ sơ lưu về giống gồm có: .....

Hình thức nuôi: .....

Thiệt hại từ 30 - 70% là: .....ha hoặc .....m<sup>3</sup> lồng.

Thiệt hại trên 70% là: .....ha hoặc .....m<sup>3</sup> lồng.

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**Người làm đơn**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thiệt hại chăn nuôi do thiên tai (hoặc dịch bệnh)**

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);  
- Ủy ban nhân dân xã, phường ..... (đối với dịch bệnh).

Tôi tên là: .....

Địa chỉ: .....

Kê khai số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh): .....

1. Đối tượng nuôi 1: ..... Tuổi vật nuôi: .....

Số lượng: ..... con.

2. Đối tượng nuôi 2: ..... Tuổi vật nuôi: .....

Số lượng: ..... con.

3. Đối tượng nuôi 3: ..... Tuổi vật nuôi: .....

Số lượng: .....con.

Hồ sơ lưu gồm có: .....

.....

.....  
.....  
.....  
Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

.....  
Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
**Người làm đơn**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)



**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ sản xuất muối thiệt hại do thiên tai**

Kính gửi: - Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường...

Tôi tên là: .....

Địa chỉ: .....

Kê khai diện tích sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai như sau:

Đợt thiên tai: .....

Diện tích bị thiệt hại: ..... ha

Vị trí sản xuất muối: .....

Thời điểm bắt đầu sản xuất: .....

Diện tích thiệt hại: .....ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là: .....ha

Thiệt hại trên 70% là: .....ha

Hồ sơ lưu gồm có: .....

.....

.....

.....

Đề nghị Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã  
(phường).....xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của .....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách  
nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....,ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**Người làm đơn**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN KÊ KHAI**

**Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường .....

Họ, tên chủ cơ sở: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại ....., Fax ....., Email (nếu có):.....

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

TT	Đối tượng nuôi	Địa điểm	Diện tích nuôi (m <sup>2</sup> )	Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)	Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)	Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến	Ghi chú
1								
2								
..								

Những vấn đề khác:

.....  
 .....

.....  
Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày ..... tháng ..... năm.....      ..... , ngày ..... tháng ..... năm.....

**Xác nhận của UBND xã/phường**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**CHỦ CƠ SỞ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)*

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

ỦY BAN NHÂN DÂN .....

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG**

(Từ ngày.....tháng...năm.... đến ngày....tháng ...năm .....) )

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI															KINH PHÍ HỖ TRỢ					
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%							DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%								Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó			
			Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	NS TW hỗ trợ (tr.đ)		NSĐP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng vật tư NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng vật tư NSĐP quy ra tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	<b>TỔNG SỐ</b>																					
1	.....																					
2	.....																					
3	.....																					
	<b>THEO ĐỊA PHƯƠNG)</b>																					

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Chủ tịch UBND.....**

(Ký tên đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN .....**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI									KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%				DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%				Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó			
			Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)	Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)		NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	<b>TỔNG SỐ</b>														
1	.....														
2	.....														
3	.....														
	<b>(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)</b>														

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Chủ tịch UBND.....**

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN .....

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ NUÔI THỦY SẢN ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

TT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	Tổng giá trị (thiệt hại) (tr.đ)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI																						KINH PHÍ HỖ TRỢ GIỐNG				
			Thiệt hại hơn 70%												Thiệt hại từ 30 - 70%										Tổng NS NN hỗ trợ (tr.đ)	NS TW hỗ trợ (tr.đ)	NS ĐP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NS TW quy ra tiền (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NS ĐP quy ra tiền (tr.đ)
			Diện tích nuôi tôm quảng canh (ha)	Diện tích nuôi cá truyền thống cá bản địa (ha)	Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh (ha)	Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh (ha)	Diện tích nuôi thủy sản khác (ha)	Diện tích nuôi cá tra (ha)	Lồng, bè nuôi nước ngọt (100 m <sup>3</sup> )	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)	Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh (ha)	Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (100 m <sup>3</sup> )	Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)	Diện tích nuôi tôm quảng canh (ha)	Diện tích nuôi cá truyền thống, cá bản địa (ha)	Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh (ha)	Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh (ha)	Diện tích nuôi thủy sản khác (ha)	Diện tích nuôi cá tra (ha)	Lồng, bè nuôi nước ngọt (100 m <sup>3</sup> )	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)	Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh (ha)	Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (100 m <sup>3</sup> )	Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
TỔNG SỐ																													
1	.....																												
2	.....																												
3	.....																												
THEO ĐỊA PHƯƠNG																													

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Chủ tịch UBND.....**

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN .....

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ  
CHĂN NUÔI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN  
TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm ..... đến ngày ..... tháng.... năm....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI										KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Gia cầm đến 28 ngày tuổi (con)	Gia cầm trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn đến 28 ngày tuổi (con)	Lợn trên 28 ngày tuổi (con)	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi (con)	Bò sữa trên 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)	Hươu, cừu, dê (con)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền (tr.đ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG SỐ</b>															
1	.....															
2	.....															
3	.....															
	<b>(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)</b>															

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Chủ tịch UBND .....**

(Ký tên đóng dấu)



ỦY BAN NHÂN DÂN .....

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ SẢN XUẤT MUỐI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI			KINH PHÍ HỖ TRỢ		
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% (ha)	Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại từ 30% - 70% (ha)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó	
			NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)			
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>TỔNG SỐ</b>							
1	.....						
2	.....						
3	.....						
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)						

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Chủ tịch UBND .....**

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN .....

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH (ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	Tổng số tiền hỗ trợ	Trong đó:						Ghi chú	
			Giống cây trồng	Giống Lâm nghiệp	Giống thủy, hải sản	Giống vật nuôi	Sản xuất muối	Quyết định hỗ trợ kinh phí (Số QĐ, ngày, tháng, năm)		
								4	5	6
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
	<b>TỔNG SỐ</b>									
1	.....									
2	.....									
3	.....									
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)									

**Ghi chú:** UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên; UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Chủ tịch UBND .....**

(Ký tên đóng dấu)

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Phòng, chống thiên tai
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng hộ sản xuất; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.</p> <p>Bước 3: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.</p> <p>Bước 4: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh theo quy định chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương</p>

	tiện thông tin đại chúng của địa phương.
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).</li> <li>- Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.</li> <li>- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)</li> </ul>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.</li> <li>- Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).</li> <li>- Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa</li> </ul>

	<p>phương.</p> <p>- Thời điểm xảy ra thiệt hại: Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên (chưa đủ điều kiện công bố dịch) cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan thì thời điểm xảy ra thiệt hại là khoảng thời gian từ khi phát sinh ổ dịch đến khi kết thúc ổ dịch.</p>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	<p><b>File mẫu:</b></p> <p>Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ <a href="#">Tải về</a></p>
<b>Kết quả thực hiện</b>	Văn bản trả lời hoặc thông báo kết quả giải quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Phòng, chống thiên tai
<b>Cơ quan thực hiện</b>	UBND cấp xã.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi và gửi bản đăng ký kê khai đến UBND cấp xã.</p> <p>Các hộ nuôi trồng thủy sản kê khai khi thực hiện nuôi trồng thủy sản và bản gửi đăng ký kê khai đến UBND cấp xã.</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kê khai đối với các hộ chăn nuôi tập trung. Đối với các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai, UBND xã xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ

<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý</b>	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	UBND cấp xã xác nhận vào bản kê khai.

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Phòng, chống thiên tai
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã.</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã.</p> <p>Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.</p> <p>Đối với trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan cấp huyện, xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn đề bổ sung, hoàn thiện.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã;



	<p>- 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;</p> <p>- UBND cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định trợ cấp.</p> <p>Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện</p>
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<p>3.1. Trường hợp hỗ trợ khám chữa bệnh</p> <p>- Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân xã, thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>+ Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</p> <p>+ Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện.</p> <p>- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>+ Tờ trình;</p> <p>+ Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</p> <p>+ Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện.</p> <p>3.2. Trường hợp trợ cấp tai nạn</p> <p>- Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</p> <p>+ Giấy ra viện;</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;</li> <li>+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).</li> <li>- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ trình;</li> <li>+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</li> <li>+ Giấy ra viện;</li> </ul> </li> <li>+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;</li> <li>+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).</li> </ul>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, tai nạn, bị thương trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 2, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, bị thương do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ theo quy định tại khoản 2, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.
<b>Biểu mẫu đính</b>	<b>File mẫu:</b> Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy

<b>kèm</b>	định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ <b>Tải về</b>
<b>Kết quả thực hiện</b>	Quyết định hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho đối tượng được hưởng.

**PHỤ LỤC VI**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**  
*(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)*  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh**

Kính gửi: .....(1) .....

Họ và tên người đề

nhị: ..... (2) .....

Địa chỉ thường trú: ..... Số điện

thoại: .....

Số Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân): .....

Số tài khoản: .....

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi khám bệnh, chữa bệnh...)

Căn cứ quy định của pháp luật, tôi xin đề nghị được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho ..... (3) .....

Số tiền đề nghị thanh toán là: .....đồng.

Bằng chữ .....

Xin gửi kèm theo Đơn này: Phiếu xét nghiệm; đơn thuốc; hóa đơn thu tiền; giấy ra viện.

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

.... (4) .... ngày.... tháng.... năm.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(1) Gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Trường hợp xung kích cấp xã trực tiếp viết đơn phải ghi rõ đội, tổ xung kích; trường hợp người đại diện hợp pháp của dân quân viết đơn, phải ghi rõ quan hệ với xung kích và đội, tổ của xung kích được hưởng chính sách.

(3) Đối tượng thụ hưởng chính sách.

(4) Địa danh.

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Phòng, chống thiên tai
<b>Cơ quan thực hiện</b>	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trợ cấp tai nạn, bị chết cho đối tượng được trợ cấp; - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã.</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trình, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trợ cấp tai nạn, bị chết cho người tham gia lực lượng xung kích.</p> <p>Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.</p> <p>Đối với trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn đề bổ sung, hoàn thiện.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể:

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã;</li> <li>- 05 ngày làm việc đối Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;</li> <li>- 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</li> <li>- Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc.</li> </ul> <p>Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.</p>
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<p>3.1 Trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</li> <li>+ Giấy ra viện;</li> <li>+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;</li> <li>+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên;</li> <li>+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ trình;</li> <li>+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</li> <li>+ Giấy ra viện;</li> <li>+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;</li> <li>+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên;</li> <li>+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao</li> </ul> </li> </ul>

thông).

- Trường hợp UBND cấp huyện lập hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh, thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình;

+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện;

+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;

+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

3.2. Trường hợp trợ cấp tiền tuất:

- Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình;

+ Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

- Trường hợp UBND cấp huyện lập hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh, thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình;

+ Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

+ Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao

	thông).
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị tai nạn, bị chết trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền được trợ cấp theo khoản 3, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị tai nạn, bị chết do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 3, Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	Quyết định trợ cấp tai nạn, tiền tuất cho đối tượng được trợ cấp



<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thông báo thành lập tổ hợp tác</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	Tổ trưởng tổ hợp tác hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác gửi thông báo thành lập tổ hợp tác đến Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi tổ hợp tác dự định thành lập
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<p>- Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng;</p> <p>(3) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác;</p> <p>(4) Hợp đồng hợp tác.</p> <p>- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số</p>

	<p>thành viên tổ hợp tác.</p> <p>(3) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác;</p> <p>(4) Hợp đồng hợp tác.</p>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	<p>- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;</p> <p>- Tên của tổ hợp tác được đặt theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 77/2019/NĐ-CP:</p> <p>“1. Tổ hợp tác có quyền chọn tên, biểu tượng của mình phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này và không trùng lặp với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trong địa bàn cấp xã.</p> <p>2. Tên của tổ hợp tác chỉ bao gồm hai thành tố sau đây:</p> <p>a) Loại hình “Tổ hợp tác”;</p> <p>b) Tên riêng của tổ hợp tác. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho tổ hợp tác. Không được sử dụng các cụm từ gây nhầm lẫn với các loại hình tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để đặt tên tổ hợp tác.”</p> <p>- Hồ sơ thông báo thành lập có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.</p>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<p>- Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;</p> <p>- Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác</p>
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	Cập nhật thông tin trong Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác.

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thông báo thay đổi tổ hợp tác</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	Tổ trưởng tổ hợp tác hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thay đổi tổ hợp tác đến Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi tổ hợp tác thành lập
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng;</p> <p>(3) Hợp đồng hợp tác;</p> <p>(4) Giấy thông báo thay đổi tổ hợp tác.</p> <p>- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số thành viên tổ hợp tác.</p> <p>(3) Hợp đồng hợp tác;</p>

	(4) Giấy thông báo thay đổi tổ hợp tác.
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	<p>- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;</p> <p>- Tên của tổ hợp tác được đặt theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 77/2019/NĐ-CP:</p> <p>“1. Tổ hợp tác có quyền chọn tên, biểu tượng của mình phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này và không trùng lặp với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trong địa bàn cấp xã.</p> <p>2. Tên của tổ hợp tác chỉ bao gồm hai thành tố sau đây:</p> <p>a) Loại hình “Tổ hợp tác”;</p> <p>b) Tên riêng của tổ hợp tác. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho tổ hợp tác. Không được sử dụng các cụm từ gây nhầm lẫn với các loại hình tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để đặt tên tổ hợp tác.”</p> <p>- Hồ sơ thông báo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.</p>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<p>- Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;</p> <p>- Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác</p>
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	Cập nhật thông tin trong Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác.
<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác</b>

<b>Lĩnh vực</b>	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật vào Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác các thông tin có liên quan.
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<p>- Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng;</p> <p>(3) Đối với trường hợp tổ hợp tác chấm dứt theo sự thỏa thuận của các thành viên, thì bổ sung thêm biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, ghi cụ thể tỷ lệ phần trăm số thành viên tán thành, có chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hợp tác (hoặc người được các thành viên tổ hợp tác ủy quyền) và các thành viên tổ hợp tác, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác quy định khác;</p> <p>(4) Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.</p> <p>- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p>

	<p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số thành viên tổ hợp tác.</p> <p>(3) Đối với trường hợp tổ hợp tác chấm dứt theo sự thỏa thuận của các thành viên, thì bổ sung thêm biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, ghi cụ thể tỷ lệ phần trăm số thành viên tán thành, có chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hợp tác (hoặc người được các thành viên tổ hợp tác ủy quyền) và các thành viên tổ hợp tác, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác quy định khác;</p> <p>(4) Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.</p>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	<p>- Hồ sơ thông báo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Thông tin của tổ hợp tác đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ thông báo thành lập hoặc thay đổi tổ hợp tác và được cập nhật vào Sổ theo dõi thành lập và hoạt động của tổ hợp tác theo quy định của pháp luật.</p>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<p>- Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;</p> <p>- Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.</p>
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	Không.

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Trồng trọt
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển sang trồng cây lâu năm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.</p> <p>- Bước 3: Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung bản đăng ký.</p> <p>- Bước 4: Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến “Đồng ý cho chuyển đổi”, đóng dấu vào bản đăng ký, vào sổ theo dõi và gửi lại cho người sử dụng đất. Trường hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản theo Mẫu số 05.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây</p>

	trồng và canh tác.
<b>Thời hạn giải quyết</b>	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	- Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo Mẫu số 04.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	<p>Người sử dụng đất được chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của cấp có thẩm quyền phê duyệt;</li> <li>- Không làm mất đi các điều kiện để trồng lúa trở lại; không làm biến dạng mặt bằng, không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa;</li> <li>- Trường hợp chuyển trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cen-ti-mét so với mặt ruộng</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	- Điều 56 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	



<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thủ tục Phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại.</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Kiểm lâm, Lâm nghiệp.
<b>Cơ quan thực hiện</b>	- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ rừng tự làm hoặc thuê tư vấn điều tra thực địa để thu thập số liệu, xây dựng bản đồ khu khai thác tỷ lệ 1: 5.000 hoặc tỷ lệ 1: 10.000 và viết thuyết minh thiết kế khai thác;</li> <li>Chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chủ rừng là tổ chức không thuộc tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.</li> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.</li> <li>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng. Thời hạn của giấy phép tối đa là 12 tháng kể từ khi ban hành..</li> <li>- Tổ chức nhận kết quả tại UBND cấp xã.</li> </ul>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	+ Tờ trình đề nghị; + Thuyết minh thiết kế khai thác (Theo mẫu); + Bản đồ khu khai thác.
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ

<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ và phát triển rừng số: 29/2004/QH11 ngày 03/3/2004;</li> <li>- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;</li> <li>- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính Phủ về ban hành quy chế quản lý rừng.</li> <li>- Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.</li> </ul>
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	<p><b>File mẫu:</b> Thuyết minh thiết kế khai thác (Theo mẫu Phụ lục 01 ban hành kèm Thông tư số 35/2011/TT-BNN ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ) <b>Tải về</b></p>
<b>Kết quả thực hiện</b>	- Quyết định phê duyệt và giấy phép khai thác

## **Phụ lục 1: Mẫu đề cương thuyết minh thiết kế khai thác**

*(Kèm theo Thông tư số 35 /2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011  
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Đơn vị chủ quản                      **CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Tên đơn vị                              **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**  
**ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH THIẾT KẾ KHAI THÁC**

### **I. Đặt vấn đề:**

- Tên chủ rừng (đơn vị khai thác).....
- Mục đích khai thác.....

### **II. Tình hình cơ bản khu khai thác**

1. Vị trí, ranh giới khu khai thác:

a) Vị trí: Thuộc lô....., khoảnh,..... Tiểu khu .....

b) Ranh giới:

- Phía Bắc giáp.....

- Phía Nam giáp.....

- Phía Tây giáp.....

- Phía Đông giáp.....

2. Diện tích khai thác:.....ha;

3. Loại rừng đưa vào khai thác.

### **III Các chỉ tiêu kỹ thuật lâm sinh:**

1. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân.....

2. Sản lượng cây đứng...

3. Tỷ lệ lợi dụng:

4. Sản lượng khai thác.

*(kèm theo biểu tài nguyên và các chỉ tiêu lâm học)*

### **IV. Sản phẩm khai thác:**

- Tổng sản lượng khai thác..... (phân ra từng lô, khoảnh), cụ thể:

+ Gỗ: số cây....., khối lượng .....m<sup>3</sup>

+ Lâm sản ngoài gỗ.....(( m<sup>3</sup>/ cây/tấn..)

- Chung loại sản phẩm (Đối với gỗ phân theo từng loài, từng nhóm gỗ; đối với lâm sản ngoài gỗ phân theo từng loài)

*(kèm theo biểu sản phẩm khai thác)*

### **V. Biện pháp khai thác, thời gian hoàn thành.**

- a) Chặt hạ:
- b) Vận xuất:
- c) vận chuyển
- d) vệ sinh rừng sau khai thác
- e) Thời gian hoàn thành.

**VI. Kết luận, kiến nghị.**

**Chủ rừng /đơn vị khai thác**  
*(ký tên ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Quyết định điều chuyển tài sản công</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Quản lý công sản
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Cấp xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công xem xét, quyết định.</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền ra quyết định điều chuyển tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển không phù hợp.</p> <p>Ghi chú:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp việc điều chuyển tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</li> <li>- Trường hợp điều chuyển tài sản công ngoài phạm vi cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</li> <li>- Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm thẩm định về đề nghị điều chuyển tài sản trong trường hợp việc điều chuyển tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo thẩm quyền. Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định về đề nghị điều chuyển tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.</li> </ul>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ

<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản: 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị điều chuyển, tiếp nhận tài sản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản; lý do điều chuyển): 01 bản chính;</li> <li>- Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển tài sản (nếu có)</li> </ul>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý</b>	NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	

<b>Tên thủ tục</b>	<b>Quyết định thanh lý tài sản công</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Quản lý công sản
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Cấp xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1: Khi có tài sản công hết hạn sử dụng theo chế độ mà phải thanh lý; tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% nguyên giá tài sản); nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản công, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công xem xét, quyết định.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý không phù hợp.</p> <p>Ghi chú: Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm thẩm định về đề nghị thanh lý tài sản trong trường hợp việc thanh lý tài sản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo thẩm quyền.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thanh lý tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có)</li> <li>- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng; tình</li> </ul>

	<p>trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do thanh lý)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có liên quan về tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa (đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được)</li> <li>- Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị thanh lý tài sản (nếu có)</li> </ul>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý</b>	NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	Quyết định thanh lý tài sản công hoặc văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý không phù hợp.



<b>Tên thủ tục</b>	<b>Quyết định tiêu hủy tài sản công</b>
<b>Lĩnh vực</b>	Quản lý công sản
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Cấp xã
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức
<b>Trình tự thực hiện</b>	Bước 1: Khi có tài sản công thuộc các trường hợp phải tiêu hủy, cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị tiêu hủy tài sản công gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công xem xét, quyết định. Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị tiêu hủy không phù hợp
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
<b>Phí</b>	Không
<b>Lệ Phí</b>	Không
<b>Thành phần hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị tiêu hủy tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có)</li> <li>- Danh mục tài sản đề nghị tiêu hủy (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do tiêu hủy)</li> <li>- Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị tiêu hủy tài sản (nếu có)</li> </ul>
<b>Số lượng bộ hồ sơ</b>	01 bộ
<b>Yêu cầu - điều kiện</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý</b>	NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	
<b>Kết quả thực hiện</b>	Quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị tiêu hủy không phù hợp